**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 60**

*Các vị pháp sư*, *các vị đồng tu*, *xin mời ngồi*!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 270, hàng thứ nhất “đệ nhất pháp hội thánh chúng”. Từ phần này chúng ta chính thức giảng đến kinh văn của Bổn kinh. Đây là phẩm đầu tiên trong 48 phẩm, phẩm thứ nhất “Pháp hội thánh chúng”, khoa đề “**Đoạn một lớn, trình bày về Ngũ thành tựu**”, chia thành năm đoạn, nêu sáu loại thành tựu. Chỗ này có năm đoạn, đoạn thứ nhất: “Tín” thành tựu, số một này là chữ mang tính mấu chốt bàn về chữ “Tín”. Quả thật chúng ta có thể thành tựu hay không, quan trọng hàng đầu chính nằm ở chữ này. Nếu không có chữ “Tín” này, mọi thứ đều không thể thành tựu, toàn bộ là giả.

Chính ngay tiến sĩ Thang Ân Tỷ còn nói, truyền thống văn hóa của chúng ta bị khoa học cản trở. Đối với khoa học, thì thứ đầu tiên không phải là chữ “Tín” mà là “Nghi”, trái ngược hoàn toàn. Đây chính là tinh thần của khoa học. Tất cả những gì được khoa học nói đến, chính là “***Nhất định phải có thứ gì đó chân thật, đem ra cho tôi xem***”. Không đưa ra được thì coi như là giả, không đủ chứng cứ. Thích Ca Mâu Ni Phật liệu có người này hay không? Liệu thật có “Tam Hoàng Ngũ Đế” chăng? Hay chỉ là truyền thuyết mà thôi? Truyền thuyết thì rất đáng ngờ, không dấy lên được niềm tin. Khoa học là nền văn minh vật chất, tôn thờ văn minh vật chất, nhất định phải hy sinh văn minh về mặt tinh thần. Đây là một vấn đề lớn mang tính “*Lợi bất cập hại”.* Kết luận cuối cùng của tiến sĩ Thang Ân Tỷ, chính là hy vọng phải khôi phục lại nền văn minh tinh thần.

Văn minh vật chất chúng ta cũng không thể không cần đến. Vậy làm thế nào để có thể vẹn cả đôi đường? Hay nói cách khác, văn minh tinh thần đối với cổ thánh tiên hiền, đối với tôn giáo, không thể dùng thái độ hoài nghi. Dùng tâm thái hoài nghi, thì toàn bộ đều bị xóa bỏ, nhất là đối với giáo dục truyền thống Trung Quốc. Trong nền giáo dục này, cái được bàn đến là “*Kỳ nghĩa tự thấy*”. Nếu không có lòng tin chân thành, quyết định không để được định, không thể khai ngộ. Người chân thật có thể khai ngộ, có thể đắc định. Họ đối với mọi thứ được học, nhất định là có niềm tin vững chắc; không có mảy may hoài nghi nào, mới có thể học được. Nếu như có tính đa nghi, muốn truy hỏi đến tận cùng, thì sở học của người đó sẽ bị bó buộc, bị giới hạn. Giới hạn đồng nghĩa với niềm tin của họ đạt đến mức độ nào, đến mức nào thì họ không thể tin được nữa? Vậy thì lợi ích công đức ở phía sau, họ sẽ không có phần. Vì thế kinh Phật, khi mở bất kỳ một bộ kinh nào, câu đầu tiên là “Như thị ngã văn”. Tín thành tựu, “Như thị” chính là tín thành tựu; “Ngã văn” là văn thành tựu. Chúng ta xem Chú giải của Niệm lão: “**Như thị ngã văn**”, chỗ này bảo là “Như thị”, chính là tín thành tựu.

“**Các kinh đều dùng bốn chữ này để đặt ở đầu kinh**”, hết thảy quyển kinh, khi mở ra, câu đầu tiên, nhất định là: “**Như thị ngã văn**”. Bốn chữ này, do đâu mà có bốn chữ này? “Là do Di Giáo của đức Thế Tôn”, đây là giáo huấn của Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật. “**Khi Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn**”, khi Ngài sắp thị hiện nhập vào Niết Bàn, chúng ta thông thường hay nói là nhập tịch, hoặc là tịch diệt. Đức Phật sắp rời xa chúng ta, không còn trụ ở thế gian này nữa, đây chính là lúc Ngài diệt độ. “**A Nan buồn rầu chẳng kìm nổi**”, A Nan chỉ mới chứng Sơ quả, “Định” cùng với “Huệ” chưa khai đủ mức. Vì thế, khi Thích Ca Mâu Ni Phật sắp rời khỏi nhân gian, A Nan vô cùng đau lòng. Cùng lúc đó, A Nậu Lâu Đà liền nói với Ngài: “***Đau buồn ích chi***”, sự đau buồn của ông nào có tác dụng gì. Phật giáo hóa chúng sanh đến thời kỳ này là viên mãn rồi, viên mãn thì Ngài đương nhiên phải đi thôi. Lúc này, ông nên đến trước đức Phật mà thỉnh giáo với Ngài, hãy thưa hỏi Phật bốn sự việc. Một trong đó là: “***Hết thảy kinh, khi mở đầu thì nên viết thế nào?***”, A Nan hỏi bốn vấn đề này. Trong “Giáo thừa pháp sổ” có, trong tư liệu tham khảo cũng có.

- Câu hỏi đầu tiên: “***Khi Phật tại thế, chúng con lấy Phật làm thầy. Giờ Phật không còn nữa, chúng con biết lấy ai làm thầy đây?***”, đây là việc đầu tiên. Khai thị của Phật bảo là: “***Lấy giới làm thầy***”, chỉ cần tuân thủ những giới luật do Phật chế định ra, thì đó coi như đức Phật còn tại thế vậy. Thế hệ sau cũng có nói: “***Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy***”, nếu hai điều này không thể nhẫn chịu, bạn sẽ chẳng thể có được lợi ích từ Phật Pháp, cũng không vào nổi cửa Phật. Câu hỏi này rất quan trọng.

- Vấn đề thứ hai, hỏi rằng: “***Phật tại thế, mọi người nương vào Phật***”, cùng sống bên cạnh Phật, “***Khi Phật không còn tại thế thì chúng con biết nương vào ai?***”. Phật nói với mọi người: “***Nương vào Tứ Niệm Xứ***”. Trong “Tứ Niệm Xứ”, đầu tiên là: “Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”, tâm của chúng ta phải an trụ vào “Tứ Niệm Xứ”. Đó cũng giống như cùng ở với Phật vậy, “Tứ Niệm Xứ” là trí huệ.

- Vấn đề thứ ba: “***Đối với những Tỳ kheo không giữ thanh quy, nhiễu loạn đại chúng, Thì nên xử lý như thế nào?***”. Khi Phật còn tại thế do Phật đến xử trí họ, Phật chế giới luật là để ràng buộc họ vào khuôn khổ. Bây giờ sư phụ không còn, “***Phật không trụ thế nữa, chúng con phải làm sao đây?***”. Phật dạy mọi người phép “*Mặc Tẫn*”, Mặc Tẫn tức là không cần để ý tới họ, cứ mặc kệ họ, không cần phải để ý họ làm gì.

Vấn đề sau cùng, “***Tương lai khi kết tập kinh tạng, câu đầu tiên nên viết thế nào đây?***”. Phật dạy ngài A Nan, viết là: “***Như thị ngã văn***”, đây là tuân thủ theo Di Giáo của Phật. Chính là hỏi Phật bốn việc này, một điều sau cùng trong số ấy chính là: đầu hết thảy các kinh nên đặt chữ nào? Đoạn mở đầu cho tất cả kinh điển nên dùng chữ gì? “**Phật liền đáp rằng**: **nên để như thị ngã văn**. **Phật tại nơi nào đó**, **phương nào đó**...”, sáu sự việc, chính là sáu loại thành tựu. Ở đây, chữ ‘Ngã’ chỉ A Nan, A Nan là người phục giảng lại lúc kết tập kinh tạng. Vì thế, trong nhà Phật, bồi dưỡng pháp sư hoẳng pháp lợi sanh, đều là từ việc phục giảng là huấn luyện thành. Phương thức phục giảng này, bắt nguồn chính là từ A Nan. Khi A Nan kết tập kinh tạng, là nói lại tất cả kinh được Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết trong một đời. Khả năng nhớ của A Nan, thuộc hàng đệ nhất trong chúng Tỳ kheo thời đó. Giống như máy ghi âm thời nay vậy, nghe qua một lần là vĩnh viễn không bao giờ quên. Sức nhớ tốt, đến nỗi không thể tìm ra người thứ hai nào khác.

Cho nên, kết tập kinh tạng mọi người liền mời A Nan thăng tòa, nói lại tất cả kinh điển mà đức Phật đã thuyết. Có 500 vị A La Hán tác chứng, đây là thính chúng của Ngài, thính chúng là 500 vị A La Hán. Nếu không có người nào phản đối, mọi người đều tán thành, như vậy thì mới được thông qua, và được viết lại thành kinh điển. Nếu có một vị A La Hán đề xuất ý kiến, nói với A Nan: “*Câu này tôi chưa hề nghe*”, hoặc là: “*Dường như không phải nói như vậy*”, thì câu này sẽ bị lược bỏ. Có thể lược bớt, chứ không thể tăng thêm, tăng thêm là ý riêng của A Nan, điều này không được phép. Như vậy thì mới chặt chẽ, cẩn thận. Mục đích là nhằm lưu lại cho hậu thế, khiến đại chúng đối với kinh Phật sanh lòng tin. Vì thế gọi là “Tín thành tựu”.

“**Ngụ ý pháp môn như thế ấy**, **chính do A Nan tôi được nghe từ đấng Thích Tôn**; **câu này phá được nỗi nghi ngờ của người đương thời**”. Bởi vì trong lúc kết tập kinh tạng, đại chúng nảy sinh ba điều nghi:

- Thứ nhất là “**Nghi Phật sống lại**”, A Nan thăng tòa được Phật lực gia trì, tướng mạo vô cùng viên mãn. Đại chúng vừa nhìn thấy, nghi ngờ không biết đó có phải Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai không? Đây là mối nghi đầu tiên.

- Mối nghi thứ hai là: “**Nghi A Nan thành Phật rồi**”.

- Thứ ba, không phải hai điều trên thì nghi rằng: “**Không biết A Nan có phải Phật từ phương khác đến không?**”.

A Nan vừa tuyên bố “***Như thị ngã văn***”, các mối nghi đều không còn. “***Nếu nghi rằng***”, đây là nghi hoặc của người đời sau. “**Phật thành đạo đã hai mươi năm A Nan mới xuất gia**”, A Nan chào đời ngay chính cái ngày Phật thành đạo. Lại qua thêm mười năm nữa, A Nan mới vâng mạng làm thị giả của Phật. Hay nói cách khác, Phật giảng kinh được 30 năm, A Nan mới trở thành thị giả của Ngài. Như vậy, với những kinh Phật dạy trong 30 năm trước đó, A Nan làm sao có thể nói là “Tôi nghe như vầy” được?

Ở chỗ này, người xưa có ba kiểu giải thích: Một là: “***Triển chuyển văn***” là A Nan nghe từ các đại A La Hán, hoặc từ các sư huynh. Ngài là do nghe từ những người này. Thứ hai là: “***Phật trùng thuyết***”, đây là lúc A Nan làm thị giả của Phật, đề ra điều kiện. Những kinh điển chưa được nghe trước đó, mong Phật có thể thuyết lại cho Ngài một lần, Phật đã đồng ý. Thứ ba là: “***A Nan tự thông***”, chuyện này chúng ta có thể lý giải, đó chính là “*Kỳ nghĩa tự thấy*”. “**Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ đức tướng Như Lai**”, chỉ cần bạn tu đến “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, tự nhiên sẽ thông suốt. A Nan là đại quyền Bồ Tát thị hiện, cũng không phải người bình thường. Cho nên ba cách nói này, đều có thể giải trừ nghi hoặc.

Phần sau có giải thích sơ ba phần này, thứ nhất “***Triển chuyển văn***”. Trong kinh báo ân nói, những điều này đều có kinh điển làm y cứ, không phải giảng một cách tùy tiện. “*Những kinh nào A Nan không được nghe trước đó, thì nghe từ các Tỳ kheo khác hoặc nghe chư Thiên nói*”, chư Thiên là thần hộ pháp, A Nan nghe được từ họ. Thứ hai “***Phật trùng thuyết***”, cũng được nhắc đến trong kinh báo ân. “*A Nan tuân lệnh Phật làm thị giả, bèn xin ba điều; điều thứ ba là những kinh chưa được nghe, xin Phật giảng lại; Phật chấp nhận*”, điều kiện này có lẽ là chẳng thành vấn đề. Thứ ba “***A Nan tự thông***”, kinh Kim Cang hoa nói: “**A Nan đắc Pháp Tánh giác tự tại Tam muội**”, đây là một loại công phu Thiền Định. Định công này gọi là Pháp Tánh giác tự tại. “**Nên với những kinh chưa nghe, Ngài tự có thể ức trì**”, Ngài có khả năng này. Vì thế, khi kết tập kinh tạng, 500 vị A La Hán đối với A Nan đều có lòng tin. Cho rằng chỉ có Ngài đứng ra phục giảng, viết lại làm thành kinh điển, lưu truyền cho hậu thế.

Vì thế, về sau trong Phật môn, đại đức giảng kinh dạy học đều dùng cách làm này để bồi dưỡng pháp sư. Huấn luyện như thế nào? Tuyệt không có mở lớp chính thức dạy học. Phật giảng kinh, những người này toàn là thính chúng của Ngài. Trong số thính chúng có hai loại năng lực, có thể chọn làm pháp sư truyền giáo: một loại là sức ghi nhớ bền bỉ, nghe qua một lần họ sẽ không bao giờ quên; thứ hai là khả năng lý giải tốt, vừa nghe đã hiểu ra ý nghĩa ẩn chứa trong đó. Tức là sự thể hội nghĩa kinh của họ sâu hơn, rộng hơn so với người khác. Có hai loại năng lực này, có thể được chọn làm nhân tài giảng kinh hoằng pháp. Người như vậy được gọi là: người căn tánh lanh lợi trong số thính chúng.

Ở Trung Quốc, nền giáo học phổ thông thông thường là nền giáo dục tư thục, thầy giáo dạy cho các học trò có tuổi tác chênh lệch nhau. Có những người bạn nhỏ khoảng năm, sáu tuổi, hoặc có những đứa trẻ lớn hơn ở độ tuổi 17, 18. Những người này học cùng với nhau. Khoảng hai, ba mươi người có đủ hai loại năng lực này; tức là nhớ dai, sức lý giải tốt. Không cần đông người, số ít thì khoảng vài người. Vài người này, lão sư phải đặc biệt bồi dưỡng họ vì họ có khả năng ấy. Người căn tánh trung hạ sẽ không có được năng lực này, không có sức nhớ dai như vậy. Cũng không có khả năng lý giải tốt đến thế, thì dạy họ như thế nào đây? Chỉ cần dạy họ đọc được sách, học biết chữ là được. Tương lai trong sinh hoạt thường ngày, họ có thể dùng được là tốt rồi.

Đời sống sau này của họ có thể trở thành “Sĩ, Nông, Công, Thương”. Nếu họ không thể trở thành tầng lớp trí thức, họ sẽ phải học làm công nhân, hay học buôn bán, học làm nông; họ sẽ biết cách xoay sở đối với những ngành nghề như thế. Cái gọi là “con đường làm quan” là chỉ cho cán bộ công chức hiện nay, hoặc nói cho rõ ràng hơn một chút, chính là các cấp lãnh đạo của chính phủ. Thời xưa, vị trí cao nhất là thừa tướng, là đại thần. Đại thần chính là bộ trưởng các bộ; bộ trưởng, chánh, phó là đại thần; lãnh đạo các tỉnh, huyện bên dưới. Đây là những người thuộc vào hàng Ngũ người đọc sách, họ phải giúp vua trị vì đất nước. Đây là người đọc sách, họ phải trải qua các kỳ thi quốc gia, hoặc thi tú tài ở huyện. Sau khi đậu tú tài, quốc gia sẽ chu cấp cho bạn một phần, theo lời hiện nay gọi là tiền lương; nhà nước sẽ lo cho sinh hoạt cả đời bạn. Vào thời đó, họ không dùng tiền mà là dùng lương thực.

Mọi người xem trong “Liễu Phàm Tứ huấn”, tiên sinh Liễu Phàm sau khi thi đỗ tú tài, mỗi năm quốc gia chu cấp cho ông lương thực, đại khái khoảng hơn 90 thạch, hơn 90 thạch lương thực. Bao nhiêu đó, ông chắc chắn ăn không hết. Mười đấu là một thạch, mười thăng là một đấu, vì thế với số đó sẽ dùng không hết; ăn không hết, ông có thể đem đi bán để dùng vào những mục đích khác. Cũng tức là nói, có sự bảo đảm cho những nhu cầu sinh hoạt cơ bản của bạn, bạn có thể yên tâm lo đọc sách. Tham gia kỳ thi của chính phủ: huyện thì tuyển tú tài, tỉnh thì tuyển cử nhân. Hoàng thượng của cả nước sẽ đích thân làm quan chủ khảo, xét tuyển tiến sĩ. Theo lẽ thường, cầm được bằng cử nhân, hay tiến sĩ, đại khái đều là các cấp lãnh đạo của chính phủ; giống như thị trưởng huyện, bộ trưởng hay thủ trưởng thời nay vậy; những người này phục vụ cho quốc gia. Cơ duyên mỗi người không giống nhau, phúc phận cũng khác. Phúc mỏng thì chỉ đỗ được tú tài, không thể tiến lên thêm nữa, hơn một nửa đều làm công nhân viên chức.

Quan sứ, quan là quan chủ quản, lãnh đạo; sứ là giúp người khác làm việc, giống như trưởng phòng và nhân viên vậy. Chức vụ của những người này chính là những người đi làm việc, phần này chiếm đa số. Vì thế, căn tánh con người không đồng, có quan hệ với đời quá khứ trước kia. Nhưng người đọc sách nhiều, muốn vì quốc gia phục vụ cũng nhiều, vì sao? Vì cái ngành nghề này khá thoải mái, không phải vất vả. Làm ngành thuộc về nông công thương thì phải lao lực, dù rất vất vả nhưng đều có thể làm giàu, đều có tiền đồ. Vì thế người Trung Quốc gọi là phú quý, “Quý” là có địa vị, “Phú” là có tiền tài vây quanh. Trong giới nông công thương thì có “Phú”, người đọc sách thì có “Quý”. Địa vị càng cao, đãi ngộ của quốc gia dành cho bạn càng hậu hĩnh.

Chúng ta xem Phạm Trọng Yêm trong “Nghĩa Điền Ký” có viết: “ông làm đến chức thừa tướng, cũng chính là hiện nay gọi là thủ tướng. Bổng lộc của chức đó là cao nhất. Ông dùng bổng lộc của một người, nuôi dưỡng cho hơn 300 gia đình gồm có bạn bè thân thích và những người khổ nạn; ông thảy đều chăm sóc. Bản thân ông, cả đời trải qua cuộc sống đạm bạc, tiết kiệm để giúp đỡ người khó khăn”. Ấn Quang đại sư trong “Văn Sao” vẫn thường tán thán ông, cho rằng: Trung Quốc từ xưa đến nay thành tựu lớn đầu tiên kể đến là Khổng Tử người thứ hai chính là Phạm Trọng Yêm chân thật là người đọc sách thật sự là người có lòng từ ái yêu gia đình của chính mình, yêu bà con láng giềng yêu đại chúng xã hội yêu quốc gia, yêu dân tộc hơn nữa, thật sự còn hành động, chứ không phải chỉ nói suông vì thế.

Người biết tích đức, con cháu trong nhà đều tốt ông làm đến thừa tướng. Năm người con trai của ông trong đó hai người con cũng làm đến thừa tướng, một người làm ngự sử đại phu, có người làm chức tổng đốc. Hai người con trai làm đến thừa tướng một người làm ngự sử đại phu, đó là bậc quan quản lý cao nhất của đất nước. Có một người con thì làm chức tổng đốc, đây là được nhìn từ nhân-quả báo ứng cả đời của Phạm Trọng Yêm.

Từ hành nghi khởi tâm động niệm đều không đi ngược với luân lý đạo đức hậu thế của ông. Qua nhiều thế hệ vẫn tốt mãi, cho đến hiện nay hậu nhân của Phạm gia đến Hồng Kông thăm tôi còn mang theo gia phả của họ tặng cho tôi. Đây là người có đại thành tựu, có thành tựu nhỏ kể đến là ông Viên Liễu Phàm đều là những bậc đáng được người tôn kính.

Đáng để người ta kính phục hậu duệ của tiên sinh Liễu Phàm. Viên gia cũng có liên lạc cho tôi, họ cũng mang gia phả đến tặng tôi. Chúng tôi xem qua vô cùng cảm động con cháu qua các đời không quên giáo huấn của tổ tông. Sức mạnh của sự giáo hóa này ảnh hưởng vô cùng sâu, vô cùng rộng. Vì thế “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên” đó là thật, không hề giả chút nào.

Người Trung Quốc thời xưa, chẳng luận là ở tầng lớp nào không một ai là không hiểu về giáo dục, cũng không có chuyện không xem trọng giáo dục. Trên thế giới có bốn nền văn minh cổ, ba trong số đó đã biến mất rồi vì sao Trung Quốc vẫn tồn tại? Chính do người Trung Quốc hiểu được giáo dục, người Trung Quốc xem trọng giáo dục, người Trung Quốc thật sự từ nơi giáo dục mà hạ công phu bởi thế. Đời đời đều hưng thịnh. Đời chúng ta thì khổ do tiền nhân của chúng ta lơ là. Rồi bất quá cũng là năm, sáu đời sau khoảng cuối triều Thanh, mọi người thấy các công cụ cơ khí khoa học kỹ thuật của nước ngoài, bị những thứ này mê hoặc cho rằng những thứ này hiếm lạ, mà Trung Quốc không có. Cho nên cho rằng nguyên nhân Trung Quốc suy yếu đại khái chính bởi tổ tông đã dạy sai, rồi từ đó sinh ra nghi ngờ từ sự nghi hoặc này, dẫn đến những khổ nạn phải chịu ngày nay.

Người có sự nhận biết đối với lịch sử Trung Quốc am hiểu văn hóa đó là tiến sĩ Thang Ân Tỷ người ngoại quốc và tiên sinh Tôn Trung Sơn của Trung Quốc hết sức đáng tiếc, tiên sinh Tôn Trung Sơn “qua đời quá sớm; nếu ông sống thêm mười năm, Trung Quốc sẽ không đến nỗi trở thành như hiện nay”. Chúng ta từ bài diễn giảng “Tam dân Chủ nghĩa” của ông, xem thấy một đoạn văn tự. Điều thứ tư trong chủ nghĩa dân tộc, ông Trung Sơn có nói: “***Nước ngoài mạnh hơn Trung Quốc chúng ta chỉ ở mảng chế tạo cơ khí và khoa học kỹ thuật. Ngoài hai mảng này ra, những thứ khác, ở bất kỳ phương diện nào đều không thể sánh với Trung Quốc. Chẳng luận là học thuật, y dược hay thủ công mỹ nghệ, đều không bì nổi với Trung Quốc***”. Vì thế, ông nói: “***Người Trung Quốc học theo người phương Tây, chỉ cần học mảng chế tạo cơ khí và khoa học kỹ thuật là đủ rồi. Những mặt khác, Trung Quốc chúng ta có, đều hoàn thiện hơn họ. Không thể học theo một cách mê muội mù quáng được***”. Hết sức đáng tiếc, sau Tôn tiên sinh, không còn người nói nữa, cũng mù quáng từ đó.

Đem trí huệ, lý niệm, phương pháp và kinh nghiệm mấy ngàn năm của tổ tông Trung Quốc, đều xóa sạch cả rồi. Cho rằng Lão tổ tông đều là phong kiến, đều là mê tín, đều là lừa gạt lão bá tánh, nhằm củng cố chính quyền. Đây là sự sỉ nhục lớn, không gì bằng đối với người xưa. Trong số các bậc đế vương thời xưa có những người, số này cực kỳ ít, đó là người thế nào? Là những ông vua mất nước, chính là như mọi người hay nói: trong lịch sử Trung Quốc xem thấy, mỗi một triều đại đều có thời kỳ thịnh thế, “Thái bình thịnh trị”. Phong kiến mê tín sẽ không thể đạt tới cảnh giới này. Như mỗi triều đại thái bình thịnh thế của Trung Quốc, đều không thể tìm thấy trong lịch sử nước ngoài.

Nước ngoài thì có cường thịnh, nhưng những chế độ đó quả thật là chuyên chế. Đích thật không xem lão bá tánh là con người để đối đãi, Trung Quốc không có chuyện đó. Trung Quốc từ xưa đến nay, Mạnh Tử đều nói: “**Dân vi quý, quân vi khinh**”. Loại ý tưởng về dân chủ này, đã tồn tại ở Trung Quốc mấy ngàn năm. Những người làm Hoàng đế, họ không thể không thương dân, cũng không thể không chăm lo cho dân. Chăm sóc người dân, khiến nhân dân đều được an cư lạc nghiệp, đều có thể trải qua đời sống hạnh phúc mỹ mãn. Như thế, nhân dân mới ủng hộ vua; vua thương dân, chân thật vì nhân dân mà phục vụ. Vì thế mới có thể duy trì đất nước mấy trăm năm, truyền lại mười mấy, hai ba mươi đời. Những chuyện này đều xem thấy trong lịch sử. Vua mà không như lời, tự tư tự lợi, ăn chơi phóng túng, bỏ bê triều chính; không nghĩ cho nhân dân, nhân dân sẽ khởi nghĩa lật đổ vị vua đó.

Trong lịch sử Trung Quốc, thay triều đổi vị. Hoàng đế cuối triều chìm đắm trong Thất tình Ngũ dục, liền bị mất nước ngay. Những chuyện thế này đều có trong lịch sử cả. Vì vậy, chữ “Tín” này quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Ngày nay, không những Trung Quốc cần đến, mà toàn Thế giới đều cần. Xã hội trên toàn Thế giới loạn rồi. Chúng tôi mười mấy năm gần đây, tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, đã thấy rất rõ ràng và tường tận. Nguyên nhân khiến xã hội động loạn là do đâu? Một chữ thôi, chính là “Tín”, mất đi “Tín tâm” rồi, mất đi trên diện rộng. Rất nhiều nhà lãnh đạo quốc gia đã đánh mất nó, chuyên gia học giả cũng mất, phần tử tri thức cũng mất. Mất đi lòng tự tin, đánh mất niềm tin đối với cha mẹ, niềm tin đối với sư trưởng. Đối với truyền thống, dân tộc và cổ thánh tiên hiền, đối với tôn giáo cũng đã không còn niềm tin nữa rồi. Đây mới là nguyên nhân thật sự!

Nếu muốn hóa giải mọi xung đột, làm thế nào giúp nhân dân kiến lập lại tín tâm? Trong tín tâm, thứ quan trọng đầu tiên chính là “Yêu mình”. Người hiện nay không biết yêu mình, chỉ có người biết yêu mình thì mới hiểu được yêu người. Vì sao giờ người ta không còn lòng thương người nữa? Vì sao lại oán hận người? Do họ không biết yêu lấy chính mình, chỉ biết bản thân; phải hưởng thụ vật dục, hưởng thụ vật dục sẽ bào mòn sức khỏe của mình. Sai rồi! Bản thân hoàn toàn không biếtm giá trị quan của nhân sinh toàn bộ đều điên đảo cả rồi, cho rằng luân lý đạo đức là những thứ mà người xưa gạt người đó là chuyên chế, là lời vô nghĩa, hiện nay người không gạt người sao? Bạn không gạt người sao? Những điều này đều là khởi nguồn tinh thần của khoa họcm chẳng luận là người thế nào, tinh thần khoa học đã tồn tại 400 năm rồim bạn có thể không chịu sự ảnh hưởng của nó sao? Bất tri bất giác đều bị ảnh hưởng hết rồi. Đối với thứ gì cũng hoài nghi, chân thật khó tìm được.

Một người không nghi ngờ, như lão Hòa thượng Hải Hiền không nghi, đối với mọi thứ đều không hề khởi qua nghi hoặc. Kỳ thực, do thiện căn của người này sâu dày. Bạn lừa tôi, gài bẫy tôi, hãm hại tôi, tôi vẫn không nghi bạn. Vậy có bị thiệt hại gì không? Có thể trước mắt có chút thiệt hại nhỏ, sẽ không bị tổn hại lớn. Vì sao vậy? Người có thể tha thứ cho kẻ khác, có thể nhẫn chịu sự sỉ nhục của người sẽ có phước. Nhẫn nhục nhằm tiêu nghiệp chướng, nhẫn thứ người không thể nhẫn, chắc chắn sẽ có hậu phúc. Bây giờ lừa người, gài bẫy người, hãm hại người, bản thân được một chút lợi nhỏ. Món lợi nhỏ ấy có hưởng cũng chẳng hưởng được bao lâu, rồi cũng hết, nhưng lại ôm tội vào mình. Gặp phải duyên, chắc chắn phải lãnh báo ứng. Nghiệp nhân-quả báo chẳng sai một ly, người học Phật không thể không biết.

Chúng ta xem tiếp: “**Như thị là tín thành tựu, là điều đầu tiên trong sáu thứ thành tựu**”. Chúng ta có thể nói, đó là điều đầu tiên trong tất cả thành tựu của thế xuất thế gian. “Tín” đứng đầu, người Trung Quốc vô cùng chú trọng. Bạn xem, trong Ngũ thường nó là nền tảng; từ trên phương diện Ngũ thường mà nói, trong “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín”, tín đức là đức cơ bản nhất. Có tín mới có trí huệ, có trí huệ mới có lễ, có lễ mới hiểu được chánh nghĩa, có chánh nghĩa mới có lòng từ bi, mới có thể yêu mình yêu người. Vì thế, “Tín đức” là nền tảng cơ bản của Ngũ thường. Tựa như tòa nhà năm tầng thì nó là tầng một vậy; không có tín, toàn bộ “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí” cũng không còn. Bạn nói xem, “Tín” quan trọng nhường nào! Các bậc Tổ sư đại đức thuở trước lấy “Ngũ giới” hợp với “Ngũ thường”, đây là những giới căn bản của Phật. Lấy giới “Không sát sanh” hợp với “Nhân”, người nhân yêu người, sẽ không hại người. Không sát sanh là nhân, không trộm cắp là nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí, không vọng ngữ là tín.

Tu hành phải bắt đầu tu từ chỗ nào? Từ không vọng ngữ mà khởi, đây là sự thật. Có thể cả cuộc đời không lừa gạt người khác, không nói lời giả dối. Người này là người có đức hạnh, người như vậy là một người lương thiện; nhà Phật bảo là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Những người này tu hành có thể chứng quả. Họ ở cõi đời này, chẳng luận làm việc ở một nghề nghiệp nào, đều sẽ có thành tựu. Vì sao vậy? Vì họ có thành tín, chữ “Tín” này quan trọng.

Trí Độ Luận nói: “**Biển cả Phật Pháp, tin thì vào được, Phật Pháp rộng lớn không có ngằn mé, ví nó như biển lớn**”, ai có thể vào được? Người có tín sẽ vào được. Hoài nghi quyết định không thể nhập vào, dẫu Phật, Bồ Tát có đến dạy bạn cũng chẳng ích gì. Bạn hoài nghi, không tin tưởng, đây là hiện tượng của thời đại hiện nay. Sự truyền thừa Phật Pháp và Thánh học gặp khó khăn chính ngay điểm này. Ai có thể truyền thừa đây? Người có đủ thành tín có thể truyền thừa, người thành tín biết đi đâu để tìm bây giờ? Có người như thế chăng? Có, có người thành tín. Những người thành tín này, tôi tin đều là người tái lai. Chư Phật, Bồ Tát, bậc Đại thánh Đại Hiền đến thế gian này để cứu khổ cứu nạn. Họ lại trở về cõi Người rồi, bất kể họ có học hay không nhưng loại người này chính là “Thật thà, nghe lời”. Nghe lời phải tin thì họ mới nghe được, không tin ắt sẽ không nghe. Có tin họ sẽ nghe theo; không những nghe, họ còn thật làm. Vì thế, thời này muốn rao truyền pháp Thánh hiền, truyền pháp của chư Phật, phải là người thế nào? Phải “Thật thà, nghe lời, thật làm”. **“*Thật thà, nghe lời, thật làm***”, chính là chữ “***Tín***” này. Họ có lòng thành tín, thành tín là từ trong chân tâm lưu xuất ra, vọng tâm lưu xuất ra, là hư ngụy, là vọng ngữ. Chúng ta nhìn người phải từ chỗ này mà nhìn, biết được những người nào có thể có thành tựu.

Phía sau lại đưa ra những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm: **“Tín là tay, như người có tay, đến chốn Trân bảo, tùy ý nhặt lấy**”, cũng tức là nói người đến được núi báu. Bạn có tay bạn sẽ lấy được, có thể có được; nếu không có tay, bạn sẽ không được thứ gì. Núi báu dẫu có nhiều Trân bảo đến đâu, bạn không có tay bạn sẽ chẳng lấy được gì, dùng điều này để làm ví dụ. “Rõ ràng, tín là cửa đầu tiên để nhập pháp; bỏ tín thì không cách nào nhập được”, pháp này là Phật Pháp, cũng là truyền thống văn hóa Trung Quốc; và pháp được lưu lại bởi cổ thánh tiên hiền. Cửa đầu tiên để nhập pháp, đây là môn đạo thứ nhất. Cánh cửa đầu tiên này không qua được, vậy phía sau cũng chẳng còn cách nào, đều ở ngay chữ “Tín” này.

Chúng ta học Phật, chúng ta cầu vãng sanh, chữ “Tín” này lại càng quan trọng hơn. Điều kiện vãng sanh có ba chữ là: “Tín-Nguyện-Hạnh”, bạn chắc chắn có thể vãng sanh. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “***Có tín, có nguyện chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề***”, đây là điều kiện nhất định phải có đủ. Để vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc, người có “Tín”, có “Nguyện” ắt được vãng sanh. Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc, phẩm vị cao hay thấp, đó là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Sự niệm Phật này là “Nhất hướng chuyên niệm”. Niệm Phật là phải bàn đến công phu, không phải nói đến biến số ít hay nhiều, không nói thứ này, là nói về công phu. Công phu là gì? Công phu là có thể buông xả, đây là công phu. “***Nhất hướng chuyên niệm, vạn duyên buông xả***”, đây là công phu sâu. Niệm một câu Phật hiệu, niệm mười câu Phật hiệu, ngang ngửa với một người bình thường niệm một vạn câu. Niệm một vạn tiếng hay niệm 100 vạn tiếng cũng không bằng; họ niệm nhiều như vậy nhưng chẳng buông xả, vẫn còn lưu luyến đối với thế gian này. Do đó, công phu sâu hay cạn có thể nói là ở tâm địa “Thanh tịnh, bình đẳng”, đấy là công phu.

Người niệm Phật nhất định trong tâm chỉ được có “A Di Đà Phật”, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có. Hải Hiền lão Hòa thượng biểu pháp cho chúng ta, người niệm Phật ở cuộc đời này xem hết thảy mọi người, đều là “A Di Đà Phật”. Ta tôn kính A Di Đà Phật, biểu hiện ở chỗ nào? Biểu hiện đối với tất cả người, việc, vật; hết thảy người, hết thảy việc, hết thảy vật, toàn là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là tự tánh, “Tự tánh năng sanh vạn pháp”, vạn pháp chính là tự tánh, không mảy may sai biệt. Có như vậy mới có thể nhập Phật cảnh giới. Công phu này sâu, một niệm là có thể vãng sanh. Một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, niệm 20 vạn tiếng Phật hiệu nhưng đối với thế gian này vẫn luyến tiếc, vẫn tham luyến đối với cái thân này; lưu luyến thân thể, tham sống sợ chết; lưu luyến cuộc đời này, trong tâm không buông xả; loại người này không thể vãng sanh, họ có chướng ngại.

Trong chiếc đĩa này, chiếc đĩa của Hải Hiền lão Hòa thượng, mọi người hãy dụng tâm mà quan sát. Ngài nói ra bao nhiêu câu, khuyên người niệm Phật “Niệm Phật là thật, những thứ khác đều là giả”. Lời này Ngài nói biết bao lần, đây là khẩu đầu thiền của lão Hòa thượng. Chẳng luận là người nào, đều khuyên bạn phải niệm Phật “hãy niệm Phật đi”, ngoài ra chẳng còn lời nào để nói nữa. Bạn xem, tín tâm của Ngài viên mãn trọn vẹn đến thế! Ngài sống ở đâu vậy? Ngài sống ở Thế Giới Cực Lạc, Thế Giới Cực Lạc ở đâu? Chính ngay trước mắt. Vì sao lại nói Ngài sống ở Thế Giới Cực Lạc? Vì Ngài không hề khổ, không có phân biệt. Người không có tốt xấu, là bình đẳng.

Việc cũng không có tốt xấu, vạn pháp bình đẳng, vì sao? Mọi thứ coi như không, hết thảy pháp, thiện pháp coi như “Không”; mà ác pháp cũng coi như “Không”. “Không” với “Không” thì ngang nhau, tại sao lại thế? Vì nó vốn không tồn tại. Trong Đại Thừa giáo, Phật nói với chúng ta: “**Mọi pháp do nhân duyên sanh ra**”, pháp do duyên sanh thì không phải thật. Lại huống hồ nhà khoa học ngày nay cũng nói: “***Hết thảy hiện tượng của toàn thể vũ trụ, đều là từ trong hiện tượng dao động mà sản sinh ra***”. Sự rung động của toàn vũ trụ, tựa như lúc chúng ta bắt mạch vậy; mạch đang đập, tần suất dao động này là một giây có 2 100 ngàn tỷ lần. Cũng chứng tỏ muôn hình vạn tượng của toàn bộ vũ trụ, đều ở trong trạng thái của 1/2.100 ngàn tỷ của giây này. Dưới tần suất này sanh ra huyễn tướng, mỗi một huyễn tướng đều độc lập; không có hai huyễn tướng nào giống nhau.

Cho nên, kinh Kim Cang nói với chúng ta: “**Phàm** **những gì có hình tướng**, **đều là hư vọng**”. Đã là hư vọng thì phải nên buông xả, vì sao phải buông xả? Vì nó không thật. Vậy cái gì là thật? Tự tánh là thật. Tự tánh không tịch, vĩnh hằng bất diệt, “**Tự tánh năng sanh vạn pháp**”. Nó sống động linh hoạt, tuy sanh hết thảy vạn pháp, tất cả vạn pháp “**Đương thể tức không, liễu bất khả đắc**”. Bạn thử nghĩ xem, 2.100 ngàn tỷ lần trong một giây. Vậy thì 1/2.100 ngàn tỷ, bạn làm sao có thể khống chế được? Làm sao nắm bắt? Làm sao có thể đạt được chứ? Vì thế, xin nói lời thật với bạn, đương thể tức “Không”, liễu bất khả đắc. Nếu bạn thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch rồi, bạn sẽ buông bỏ được “Tham, sân, si, mạn, nghi”. Trải qua tháng ngày đều là tùy duyên, cái gì cũng tốt. Chính mình không bao giờ nói “Thích cái này, ghét cái kia”, không có chuyện đó. Vạn pháp bình đẳng, bạn sẽ tự tại biết bao! Đây gọi là “Giải khai” rồi. Giải khai tức là vượt thoát mọi khổ ách, thoát khỏi sáu nẻo, thoát khỏi mười Pháp giới.

Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc, không cần A Di Đà Phật gia trì, bạn cũng có thể vãng sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Vì sao? Vì cảnh giới của bạn giống như Ngài vậy, tự nhiên sẽ cảm ứng đạo giao. Đây là lời mà trong Đại Thừa giáo thường nhắc nhở, thường cảnh tỉnh chúng ta; “Hết thảy chúng sanh vốn dĩ là Phật”, mọi cảnh giới chính là Thế Giới Cực Lạc.

Tiếp theo là: “**Hựu vi nhiếp pháp chi thượng thủ**”, “Pháp” là Đại Thừa, “Nhiếp” là thâu nhiếp, là giữ lấy. Lãnh hội được “Pháp” của Như Lai Đại giác. “Thượng thủ” tức là chủ yếu, thứ quan trọng chính là “Tín” nên có câu: “***Vừa vào cửa tín, liền lên địa vị Tổ***”. Bạn chỉ cần chân thật có “Tín tâm”, bạn liền cách Phật không xa. Địa vị “Tổ”, chính là thành Phật “Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh” đã không còn xa. Có thể thấy chữ “Tín” này rất quan trọng. Hiện thời, lão sư không còn. Trưa hôm nay, trong nước có một số bạn bè đến thăm tôi, có hai vị nói trước đây đã từng đến thăm tôi, nhưng tôi đều không nhớ ra. Tôi với họ nói đến tầm quan trọng của “Tín tâm”; học Phật phải từ “Tín” mà vào cửa “***Tín là mẹ các công đức, là nguồn gốc của đạo***”. Khởi nguồn để vào đạo, có thể sanh ra hết thảy công đức, đặc biệt phải kiến lập lòng tự tin.

Hôm nay, chúng tôi lấy hai bản tư liệu được phiên dịch của tiến sĩ Thang Ân Tỷ, gửi cho họ. Khuyên họ hãy nghiêm túc nghiền ngẫm đọc, vì sao? Vì sẽ giúp chúng ta xây dựng lòng tin, có lòng tin với chính mình, có lòng tin với Phật Pháp, có lòng tin với truyền thống Trung Quốc, có lòng tin với quốc gia, có lòng tin với lãnh đạo Tập Chủ tịch. Đất nước chúng ta liền được cứu, Trung Quốc được cứu, thế giới được cứu. Căn nguyên chính ngay chữ “Tín” này, điều này quan trọng biết bao!

Xem tiếp một đoạn bên dưới: “**Chữ ‘như thị’ còn chỉ cái thể của điều được nghe**, **tức là lý thể của thật tướng**; **Diệu Lý của thật tướng**, **xưa nay chẳng biến đổi nên nói là ‘Như’**; **đúng như lý mà nói nên bảo là thị**”, cái ý này giảng ra sẽ rất sâu. Chữ đầu tiên khi mở quyển kinh ra chính là “**Như thị**”, “Như thị” có ý nghĩa thế nào? “Như thị” ý chỉ cho tất cả pháp được thuyết trong bộ kinh này. Những pháp này từ đâu mà có? “Thể” và “Lý thể” được nói căn cứ vào đạo lý gì? Cái lý này chính là chân tướng sự thật. Thật tướng chính là chân tướng sự thật, chân tướng sự thật của vũ trụ, chân tướng sự thật của sinh mạng, chân tướng sự thật của vạn pháp và chân tướng sự thật của chính chúng ta. Phật Pháp nói đến cái gì? Chính là nói cái này. Rời khỏi chân tướng sự thật thì lấy đâu ra Phật Pháp nữa chứ! Chân tướng sự thật này, xưa nay không đổi nên gọi là “Như”, chỉ có một sự việc này. “Như như bất biến, như như bất động” là thật tướng lý thể, thật tướng Diệu Lý. “Diệu” có ý nghĩa gì? “Diệu” ý là “Năng sanh vạn pháp”, vạn pháp sở sanh cùng với lý thể của cái “Năng sanh”, không hề chướng ngại nhau. Ở đâu vậy? Chính ngay trước mắt. Cực kỳ đáng tiếc là chúng ta không nhìn thấy, chúng ta không nghe được, cũng nghĩ không nổi; trước giờ chưa hề rời xa. Giảng đến chỗ này, tôi thường hay dùng màn hình ti vi để làm ví dụ. Ngày nay, chúng ta thường đối diện trước màn hình ti vi, dùng màn hình để ví dụ cho “lý thể” của “Thật tướng”. Dùng hình ảnh để ví cho “Diệu Lý” của thật tướng, diệu! Diệu là gì? Là nó có thể hiện tướng, dẫu hiện tướng lại không chướng ngại đến “Lý thể”, chẳng chút mảy may trở ngại đến “Lý thể diệu”.

Chúng ta nhìn thấy những sắc tướng trên màn hình, màn hình liệu có sắc tướng thật không? Chúng ta biết rõ là không có, vì sao? Chúng ta nhấn nút tắt một cái là chẳng còn gì. Thứ nhìn thấy chỉ còn màn hình, không có sắc tướng. Chúng ta lại nhấn một cái, mở ti vi lên, sắc tướng lại hiển hiện. Nó có gây trở ngại cho màn hình không? Một chút trở ngại cũng không có. Chúng có thể lặp chồng lên nhau, tuy là chồng chéo lên nhau nhưng cái nào làm việc của cái ấy. Màn hình năng hiện, sắc tướng sở hiện; năng hiện và sở hiện là một không phải hai. Nếu chúng ta có thể xem ti vi như vậy thì sẽ khai ngộ, có thể Minh tâm kiến tánh, có thể thành Phật. Đây là sự thật, không hề giả. Người hiện nay không biết xem, không biết xem nên chỉ xem mỗi sắc tướng. Sắc tướng cười họ cười, sắc tướng khóc họ khóc. Bị lay chuyển theo hình ảnh, như thế thì không diệu rồi, thì thế nào? Thì sanh phiền não, rồi tạo nghiệp luân hồi.

Cho nên, người lãnh hội được, thế bạn có biết không? Chân thật biết cách xem ti vi cũng có thể thành Phật. Xem ti vi hay niệm “A Di Đà Phật”, hay đọc kinh Vô Lượng Thọ, hay đọc kinh Hoa Nghiêm, đều như nhau cả. Có thể thành Vô Thượng Đạo, chỉ là có biết cách xem hay không thôi. Tôi tin có người biết cách xem, số ít người. Họ biết xem họ cũng không nói với bạn. Diệu Lý thật tướng xưa nay không đổi, nó không có không gian, nó không có thời gian. Nó chính ngay trước mắt, ba ngàn năm trước ở ngay trước mắt, ba ngàn năm sau vẫn ngay trước mắt. Hay nói cách khác, nó không tồn tại không gian, cũng không tồn tại thời gian. Không có thời gian, nghĩa là không có quá khứ, hiện tại, tương lai. Không có không gian, đồng nghĩa không có khoảng cách, không có bốn phương. Tứ duy hay phương trên dưới, đó gọi là “Như”, như lý mà nói. Đem cái thật tướng này nói ra, đó gọi là “Thị”, không hề nói sai.

“**Với bản kinh này**, **Ngẫu Ích đại sư bảo**”, đây là những lời của Ngẫu Ích đại sư trong “A Di Đà kinh Yếu Giải”. “**Nương theo lý thật tướng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ**, **quyết định chẳng sai**, **nên bảo là thị**”, chúng ta cần phải làm rõ ràng, sáng tỏ cái lý này. Nếu tín tâm đối với Tịnh Độ là thật, nghĩa là trong niềm tin ấy không có chút mảy mảy hoài nghi nào. Phải nhìn từ chỗ nào vậy? Đó là bạn thật sự có thể buông được xuống. Nếu bạn có cái tâm ngờ vực, bạn sẽ không buông nổi; chân thật buông xả, ấy là bạn thật tin. Thế nào là tin? Giữa bầu vũ trụ này, hết thảy muôn hình vạn tượng đều đang biến hóa trong từng sát na. Chẳng có thứ nào bạn có thể có được, bao gồm cả thân thể, không thể có được nó. Vậy nên dùng thái độ gì để trải qua cuộc sống này đây? Hết thảy nên thuận theo tự nhiên, như thế thì hoàn toàn đúng. Cái tâm thuận theo tự nhiên là chân tâm, tâm mà thuận theo tự nhiên sẽ không khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, mọi thứ đều thuận theo tự nhiên. Có một ý niệm phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm, nghĩa là không tự nhiên rồi. Tự nhiên thì tốt, tự nhiên mới tương ứng với “Như thị”; không tự nhiên thì không tương ứng với “Như thị”. Cho nên, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định không sai. Bạn mà thực hiện câu này một cách viên mãn trọn vẹn, thì phút chốc là thành tựu thôi.

“**Do Diệu Lý thật tướng**, **chỉ là tự tánh của một niệm tâm hiện tiền**”, “Diệu Lý” thật tướng là gì? Chính là mang ý nghĩa của trước mắt và ngay lúc này; tự tánh của một niệm tâm là bản thể. Tự thể của một niệm tâm, thứ này là thật, nó năng sanh năng hiện, hiện ra thứ gì? Chính là toàn bộ vũ trụ, toàn bộ vũ trụ chính là tự tánh của một niệm tâm, hay tự hiện của một niệm tâm, hay năng sanh của một niệm tâm. Toàn vũ trụ ở trong thuật ngữ của Phật Pháp gọi là mười Pháp giới Y chánh Trang nghiêm; là sở sanh sở hiện của một niệm tâm, là sở biến của A lại da, A lại da là vọng tâm. Chân tâm năng sanh năng hiện, vọng tâm đem nó biến thành mười Pháp giới, biến thành Lục đạo luân hồi. Nếu không có vọng tâm mười Pháp giới và sáu nẻo, thảy đều không còn, là giả. Sạch sẽ vắng lặng, chỉ còn lại điều gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Thật Báo Trang Nghiêm là sở hiện của một niệm tâm.

Mười Pháp giới, sáu nẻo luân hồi, cộng thêm A lại da, là sở biến của một niệm vọng tâm. Vọng tâm đem chân tâm và Nhất chân Pháp giới biến thành mười Pháp giới, biến thành sáu nẻo luân hồi. Ở trong này bạn nhất định phải biết, dẫu mười Pháp giới hay sáu nẻo, liệu có thể nói nó là Nhất chân Pháp giới không? Có thể, buông bỏ vọng tâm thì chính là nó. Mười Pháp giới, sáu nẻo là hiện tượng được sanh ra khy vọng tâm, bóp méo đi chân tâm mà thôi. Vừa buông bỏ vọng tâm, chân tâm liền hiện tiền, vốn dĩ chính là Nhất chân Pháp giới. Chúng ta trong “Tịnh Độ Thánh hiền Lục” có thấy qua, kể về người nào thì tôi quên mất rồi. Đại khái vào khoảng hơn 60 năm trước, lúc tôi mới học Phật thích xem những loại thế này. Người vãng sanh này, Phật đến tiếp dẫn ông. Người bên cạnh có hỏi:

- “*Thế Giới Cực Lạc ở đâu vậy?*”

*-* “*Sát bức vách kìa*”.

Thế là ông ra đi:

- “*Thế Giới Cực Lạc ở đâu?*”

- “*Ở ngay gian nhà chính*”.

Những lời này là thế nào vậy? Ý là chính ngay chỗ này. Thật khó hiểu, chúng tôi dùng ti vi để ví dụ thì bạn sẽ hiểu thôi. Thế Giới Cực Lạc ở đâu? Chính ngay tại chỗ này, nhấn nút chuyển màn hình là phút chốc ngay trước mặt rồi. Chính ngay lúc này đây, đây là hoàn toàn nói sự thật với bạn.

Những năm qua, chúng tôi đề xướng Phật sự Tam Thời Hệ Niệm. “Âm dương lưỡng lợi”, trong khai thị của thiền sư Trung Phong có một câu nói: “**Tâm ta tức A Di Đà Phật**, **A Di Đà Phật tức tâm ta**; **nơi này là Tịnh Độ**, **Tịnh Độ chính là nơi này**”, ý nghĩa của hai câu này rất sâu. Hai câu này đã nói ra thật tướng, chân tướng sự thật đều nói ra rồi, tuyệt diệu thật! Đều không rời một niệm. Chư Phật sát độ, mười Pháp giới Y chánh Trang nghiêm, đều từ một niệm tâm biến hiện ra. Một niệm này là niệm thuần chân không vọng, thì chính là Thế Giới Cực Lạc, là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Nếu chen vọng tâm vào thì trở thành A lại da, liền biến thành mười Pháp giới, biến thành Lục đạo.

Đây là chân tướng sự thật! Nên bên dưới lại nói tiếp: “**Do Diệu Lý thật tướng**, **chỉ là tự tánh của một niệm tâm hiện tiền**”, chẳng nói sai chút nào. “**Chẳng sanh**, **chẳng diệt**, **chẳng đi**, **chẳng đến**; **trạm nhiên**, **Thường trụ**, **nên nói là như**”, cái ý này nói thật sâu. Tự tánh của một niệm tâm hay bản thể chẳng sanh, chẳng diệt, chính là không sanh, không diệt, không có đến đi. Không có đến đi tức là không có không gian, không có khoảng cách, không có trước sau. Trước sau là thời gian, quá khứ, tương lai là thời gian.

Thế giới này, hay phương khác là không gian, đều không tồn tại. Thời gian, không gian là một loại nhận thức sai lầm của phàm phu chúng ta, căn bản không có sự thật này. Trong “Bách Pháp Minh Môn Luận” của Đại Thừa, đem thời gian, không gian xếp vào Pháp Hành Không Tương Ứng, Pháp Hành Không Tương Ứng có 24 loại. Không tương ứng có nghĩa là gì vậy? Dùng lời hiện nay mà nói, chỉ là một khái niệm trừu tượng, không có thật, không tìm thấy được thực thể, hoàn toàn là khái niệm trừu tượng. Liệu có cái pháp này không? Có. Không thể nói là không được, nhưng nó không phải thật. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần nhờ nương vào đó mà khởi lên. Khái niệm trừu tượng thì cái gì cũng không có, vậy nó sanh ra từ đâu? Có thể nói là từ trong nhận thức sai lầm mà sanh ra, nhưng tìm không thấy được thực thể của nó. Lặng trong Thường trụ đó là “Tự tánh”, hơn nữa còn như như bất động, nó tồn tại ở đâu? Nó có mặt ở mọi nơi, mọi lúc nhưng sáu căn của chúng ta không tiếp xúc được. Mắt không nhìn thấy, tai không nghe được, ngay cả tâm cũng nghĩ không ra.

Sáu căn của chúng ta “Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân”, còn có “Ý thức”, hoàn toàn không thể khởi tác dụng với nó. Thực tế mà nói, không phải là không thể khởi tác dụng, chỉ do hiện nay, căn tánh của chúng ta bị mê rồi, mê mất đi bản năng. Nhất định phải phá mê khai ngộ được rồi, thì sáu căn của chúng ta mới có thể thấy được. Mắt có thể thấy, tai có thể nghe, đó là gì thế? Là thiên nhãn, thiên nhĩ. “Thiên” là thiên nhiên, hay nói cách khác là “Bản năng”. Khôi phục lại bản năng của sáu căn, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể chạm đến, có thể cảm nhận được. Ý có thể duyên, có thể nghĩ được, vào lúc nào thì làm được việc đó? Trong Đại Thừa giáo, Phật thường nói là “Từ Bát Địa trở lên”.

Chúng ta chứng được tới Bát Địa, Cửu Địa liền nhìn thấy, liền nghe được. Chính ngay trước mắt, đồng nghĩa nói đến cái gì thế? Chính là chúng ta đều thấy được hiện tượng dao động trong 1/2.100 ngàn tỷ của giây, đây là tự tánh của một niệm tâm. Không sanh không diệt, chẳng đến cũng chẳng đi. Lặng trong Thường trụ, bạn thấy rồi. Nhà khoa học hiện nay đã bỏ ra biết bao tâm sức, một đời tiếp nối một đời, suốt 400 năm qua mới thấy được hiện tượng vật chất. Chúng ta không thể không bội phục họ, họ cũng là phàm phu. Dùng kỹ thuật khoa học vạch trần được câu đố về vật chất, cùng với bí mật giữa vũ trụ này. Chúng ta không thể không khâm phục họ, phơi bày ra điều gì? Đó là tướng giả, không phải thật. Vì thế, nhà khoa học tuyên bố, căn cứ vào những phát hiện mà họ nghiên cứu được, thế giới này căn bản không hề tồn tại vật chất.

Vật chất là gì? Vật chất là huyễn tướng do cách nhìn sai lệch của chúng ta, không phải thật, căn bản không hề có. Vốn dĩ không hề tồn tại, cái ý này thật không dễ hiểu chút nào, Bồ Tát Bát Địa thì hiểu. Bồ Tát Bát Địa không dùng công cụ khoa học, mà ngay trong cảnh giới Thiền Định nhìn thấy rõ ràng, minh bạch, thế mới hữu dụng. Cái gì hữu dụng vậy? các ngài có thiên nhãn, thiên nhĩ, sáu loại thần thông đều đầy đủ. Hơn nữa, sáu loại thần thông này rất nhanh là đạt đến viên mãn rồi. Nếu các ngài tiếp tục hướng lên cao, là Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác đến Diệu Giác, thì viên mãn rồi. Lúc bản năng dần đạt tới viên mãn là đã có thể thấy được. Vì thế, khoa học kỹ thuật có ích gì? Nhà khoa học dùng kỹ thuật phát hiện được, họ thấy rõ rồi, nhưng chẳng ích gì. Họ không có thiên nhãn, không có thiên nhĩ, họ cũng chẳng cách nào đạt được thọ dụng. Phật Pháp, bạn thấy rồi sẽ có thọ dụng chân thật. Nhà khoa học phát hiện ra cực vi sắc, trong cực vi sắc vẫn có thế giới nhưng nhà khoa học không thấy.

Bồ Tát Phổ Hiền có năng lực nhập vào thế giới của cực vi sắc đi lễ Phật, đến đó nghe kinh thính pháp. Điều này, nhà khoa học vĩnh viễn không thể làm được. Chúng ta trong kinh Hoa Nghiêm có thấy nói đến chuyện này. Giới khoa học hiện này vô cùng sôi nổi, họ đang tìm kiếm bí mật thứ hai, chính là “Ý niệm”. Sự thật về hiện tượng tâm lý, hiện nay họ đang tập trung lực lượng để tìm cái này. Tìm được hiện tượng vật chất rồi, phơi bày được bí mật này rồi. Ý niệm, khởi tâm động niệm; vật chất là từ khởi tâm động niệm mà sinh ra. Vì thế, nền tảng của hiện tượng vật chất là hiện tượng tinh thần, không có ý niệm ắt không có hiện tượng vật chất.

Hiện nay, phải tìm đến phần thứ hai này, hiện tượng tinh thần là gì? Hiện nay chúng ta đến tiệm sách sẽ thấy rất nhiều báo cáo về thứ này, chẳng hạn “Bí mật của Niệm lực”, hay “Năng lượng của Niệm lực”, đều là những thứ bất khả tư nghì. Chúng tôi tin sau hai, ba mươi năm nữa thôi, bài toán này khẳng định sẽ được tìm ra. Sau khi giải được rồi, phần sau vẫn còn một câu đố khác. Thế hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Phật nói với chúng ta từ Nghiệp tướng mà có, vậy do đâu có Nghiệp tướng? Từ một niệm bất giác, một niệm bất giác từ đâu mà có? Một niệm bất giác không có nguyên nhân. Không có nguyên nhân ngụ ý: nó là giả, nó không phải thật. Chỉ có tự tánh là thật, tự tánh như như bất động; một niệm bất giác là mê, như như bất động là giác; một niệm bất giác chính là khởi tâm động niệm. Nó cực kỳ vi tế, chúng ta không thể biết được. Bồ Tát Di Lặc có nói “***Một cái búng tay có 32 ức trăm ngàn niệm***”, một giây có thể búng được bảy lần. Vậy 32 ức trăm ngàn nhân với bảy, chính là 2.100 ngàn tỷ, đơn vị là giây.

Chúng ta xem tiếp, phần sau bảo rằng: “**Nương tâm tánh ấy niệm Phật**”. Tâm tánh, cái tánh ấy “Năng sanh vạn pháp”, cũng “Năng hiện vạn pháp”. Chúng ta nương vào tâm tánh ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chính là “Tùy duyên diệu dụng”, phổ độ lợi ích cho hết thảy chúng san. H tùy duyên như thế nào? Nghĩa là một câu Phật hiệu niệm đến cùng, đừng phân biệt, đừng chấp trước. Không khởi tâm không động niệm thì chúng ta làm không được, vì đó là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Chúng ta bây giờ chỉ có thể làm tới không phân biệt, không chấp trước thôi. Đây chính là thật học Phật, chính là công phu chân thật. Không những niệm Phật không phân biệt, không chấp trước; mà ngay đời sống thường ngày, mỗi ngày làm việc, đối người, tiếp vật, đều phải dùng không phân biệt, không chấp trước. Vì sao vậy? Vì đó là chân tâm.

Phân biệt là ý thức thứ sáu, chấp trước là Mạt na thức. Người thật tu hành phải hiểu được chuyện “Chuyển Tám thức thành Tứ trí”. Ở đâu mà chuyển vậy? Ngay lúc các căn đối mặt với cảnh giới, ngay chỗ ấy mà chuyển. Mắt tiếp xúc là sắc trần, tai tiếp xúc là thanh trần, mũi tiếp xúc là hương, lưỡi tiếp xúc là vị, thân tiếp xúc là xúc chạm, ý tiếp xúc là trí. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, lúc đó hãy học không phân biệt, không chấp trước. Đó là gì? Là chuyển “Thức” thành “Trí”. Ta chỉ cần không dùng phân biệt, “Diệu quan sát trí” liền xuất hiện. Chỉ cần ta không chấp trước, “Bình đẳng Tánh trí” xuất hiện; “Diệu quan sát trí” chính là “Tâm thanh tịnh”.

Trên đề kinh của của chúng ta, “Bình đẳng Tánh trí” chính là “Tâm bình đẳng” được nói trong kinh, “Thanh tịnh, bình đẳng” xuất hiện. “Thanh tịnh, bình đẳng” là chân tâm. Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm, tức là chuyển “Thức” thành “Trí”. Thức là vọng tâm; diệu quan sát, tâm bình đẳng là chân tâm. Đây gọi là thật tu hành, gọi là thật công phu, tâm bình đẳng xuất hiện. Bạn đối với hết thảy người, việc hay vật đều không còn phân biệt, ấy là tùy duyên, cái gì cũng đều tốt, chẳng có thứ nào là không tốt. Tâm thanh tịnh hiện tiền, diệu quan sát, tâm bình đẳng hiện tiền. “Bình đẳng Tánh trí” xuất hiện rồi, đây là chân thật tu hành. Phải tôi luyện ngay trong đời sống hằng ngày, nơi nào là đạo tràng vậy? Nơi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, chính là đạo tràng tu hành của chúng ta. Đừng dùng vọng tâm, vọng tâm sẽ tạo nghiệp; nặng thì tạo nghiệp luân hồi, nhẹ thì tạo nghiệp mười Pháp giới. Rất phiền phức, lãng phí thời gian rất dài. Trải qua biết bao khổ nạn, bạn mới dần dần rời xa nó được.

Phương pháp này của Tịnh Tông diệu cực, những điều này đều rất vi tế. Người với tâm khí bao chao không thể dùng được, dùng không vào. Vậy làm thế nào đây? Thì niệm Phật. Hải Hiền lão Hòa thượng vì chúng ta biểu pháp, không động ý niệm thì quá tốt; vừa động toàn là “A Di Đà Phật”, toàn bộ đều quy về “A Di Đà Phật”. Trong tâm chỉ có “A Di Đà Phật”, ngoại trừ “A Di Đà Phật” ra, cái gì cũng không có. Như vậy mới có thể chuyển “Thức” thành “Trí”. Niệm đến công phu thuần thục rồi, hốt nhiên sẽ khai ngộ; khai ngộ rồi, trí huệ sẽ hiện tiền, không có gì khác; buông xả phiền não tập khí rồi, không còn nữa. Hiện tiền toàn là trí huệ, đó gọi là làm được “*Kỳ nghĩa tự thấy*” vậy. Nhìn thứ gì thì biết được thứ ấy, nghe thứ gì thì hiểu được thứ ấy, tiếp xúc với mọi cảnh giới, đều hiểu được ý nghĩa trong đó. Thảy đều sanh trí huệ, không sanh phiền não. Phiền não chính là phân biệt, chấp trước. Không có phân biệt, không có phiền não!

“***Nương tâm tánh ấy, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì năng niệm là tâm thật tướng, sở niệm là vị Phật của thật tướng; cái được sanh là cõi thật tướng, đều do thật tướng chánh ấn in vào***”, tốt! “***Vì******vậy Đại sư nói****,* ***quyết định chẳng sai là thị***”, chữ “Đại sư” này là chỉ cho Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư giảng đoạn này quá hay, giảng hết sức tuyệt, chúng ta phải ghi nhớ lấy.

Hôm nay thời gian đến rồi, chúng ta chỉ học đến đây thôi, học hai chữ “**Như thị**”.

**A Di Đà Phật.**

#

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

